

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/ DS-ST
Ngày 16/7/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Quảng

2. Ông Nguyễn Gia Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:/2020/QĐST-DS ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Phố 19/5, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Hoàng Bá T**, sinh năm 1966.

Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1967

Đều có địa chỉ: SN 183, phố Hạ Sơn, TT. Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Ông T, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày nộp tại Tòa, quá trình làm việc tại tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Ông Phạm Văn C có cho vợ chồng ông Hoàng Bá T và vợ là Nguyễn Thị Bích H vay số tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 12/6/2018 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 23/7/2018 vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 08/9/2018 vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 12/10/2018 vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Ngày 02/02/2019 vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Khi vay ông T và bà H đều viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Ông T

và bà H đã trả được tiền lãi theo đúng thỏa thuận kể từ khi vay đến tháng 3 năm 2019 thì không trả được nữa. Sau đó do có nhu cầu sử dụng đến tiền nên ông C có thông báo trước một tháng để yêu cầu anh T và chị H trả lại cho ông C số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T và bà H khất lần mãi không trả. Ông C cũng đã đòi nhiều lần nhưng không được. Nay ông C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T và bà H thanh toán cho ông C toàn bộ số tiền nợ gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Ông C tự nguyện không yêu cầu về lãi.

Quan điểm của bị đơn ông Hoàng Bá T và bà Nguyễn Thị Bích H:

Trong bản tự khai của mình viết trực tiếp tại Tòa án, bị đơn ông Hoàng Bá T và vợ là bà Nguyễn Thị Bích Huệ đều trình bày:

Ông T và bà H khẳng định có vay ông C số tiền 170.000.000đồng, cụ thể những lần vay như sau:

Ngày 12/6/2018 vay 20.000.000đồng

Ngày 23/7/2018 vay 30.000.000đồng

Ngày 08/9/2018 vay 50.000.000đồng

Ngày 12/10/2018 vay 60.000.000đồng

Ngày 02/02/2019 vay 10.000.000đồng

Khi vay ông T và bà H đều viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ chỉ thỏa thuận bằng miệng là 2.000đồng/triệu/ngày. Sau đó ông T và bà H đã trả được nhiều lần, có lần trả trực tiếp tại nhà ông C thì không có chứng cứ gì, có lần chuyển khoản thì còn chứng cứ và sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông T, bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông C số tiền 170.000.000đồng, vợ chồng ông T và bà H nhất trí còn lãi thì ông bà xin vì đã trả nhiều rồi.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, của thư ký Tòa án;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại điều 70, 72 – BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 463, 466, khoản 1 điều 469 – Bộ luật dân sự.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C. Buộc vợ chồng ông Hoàng bá T và chị Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm trả số tiền gốc 170.000.000đồng cho ông Phạm Văn C.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 - Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Hoàng Bá T và bà Nguyễn Thị Bích H phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà.
Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định.*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc theo hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35-BLTTDS.

Ông T và bà H có biết việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý giải quyết vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn C, ông T và bà H có đến Tòa án làm việc, cung cấp giấy tờ tùy thân, viết bản tự khai trình bày quan điểm, sau đó Tòa án có thông báo nhiều lần cho ông T và bà H đến Tòa án để làm việc nhưng ông T và bà H không đến. Tòa án đã tiến hành xác minh, triệu tập hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông T và bà H cố tình trốn tránh không đến làm việc. Phía nguyên đơn – ông Phạm Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông C, ông T và bà H theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hợp đồng vay tài sản:

Sau khi xem xét tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp 02 giấy vay tiền có nội dung cụ thể: Ngày 12/6/2018 vay 20.000.000đồng; Ngày 23/7/2018 vay 30.000.000đồng; Ngày 08/9/2018 vay 50.000.000đồng; Ngày 12/10/2018 vay 60.000.000đồng; Ngày 02/02/2019 vay 10.000.000đồng.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự HĐXX thấy rằng: Khi vay ông T, bà H đều viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ chỉ thỏa thuận bằng miệng tuy nhiên quá trình làm việc tại Tòa án cả ông C, ông T và bà H đều thừa nhận hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Như vậy có đủ căn cứ để xác định ông Hoàng Bá T và bà Nguyễn thị Bích H có vay của ông Phạm Văn C tổng cộng số tiền gốc là 170.000.000đồng và khi vay có thỏa thuận về lãi suất.

Ông C khẳng định ông T và bà H chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc nào, mà có trả đầy đủ tiền lãi đến tháng 3 năm 2019. Ông T và bà H có khẳng định đã trả được nhiều lần tiền lãi, có lần trả trực tiếp tại nhà ông C thì không có chứng cứ gì, có lần chuyển khoản thì còn chứng cứ và sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với ông Hoàng Bá T và bà Nguyễn Thị Bích H tuy nhiên cả ông T và bà H không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc trả nợ gốc và lãi. HĐXX thấy rằng không có căn cứ để xác định ông T và bà H đã trả được khoản nợ gốc nào cho ông C. Vì vậy yêu cầu của ông C là chính đáng phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[3] Về lãi suất:

Trong đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - ông Phạm Văn C khẳng định không yêu cầu về lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 - Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C. Buộc vợ chồng ông Hoàng Bá T và bà Nguyễn Thị Bích H phải trả cho ông Phạm Văn C số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Hoàng Bá T và bà Nguyễn Thị Bích H phải nộp 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Văn C toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0002060 ngày 26/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa